

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHƯ THANH  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HS-ST  
Ngày 28 - 01 - 2021

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Lê Đình Huy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Lục Đại Cương;  
- Bà Mai Thị Hà.

*Thư ký phiên tòa:* ông Lê Đình Chiến.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh tham gia phiên tòa:***  
Ông Mai Xuân Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2021/TLST- HS ngày 08 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2021 đối với:

**Bị cáo: Lê Tiến T;** sinh ngày 21 tháng 9 năm 1986; tại xã C, huyện N1, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn L, xã C, huyện N1, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12;

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Lê Tiến T1 và bà Thiệu Thị D.

Có vợ là Mai Thị H và 01 con sinh năm 2016.

Tiền sự: Không

Tiền án (có 03 tiền án):

- Năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện N1 xử phạt 15 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện N1 xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Năm 2019, bị Tòa án nhân dân huyện N1 xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/12/2020, Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa - Có mặt tại phiên tòa.

*\* Bị hại:* Chị Phan Thị N - sinh năm 1989

Địa chỉ: thôn B, xã Y, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa;

Vắng mặt.

*\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Thiều Thị D, sinh năm 1963

Địa chỉ: thôn L, xã C, huyện N1, tỉnh Thanh Hóa

Vắng mặt.

- Anh Lê Thanh T2 - sinh năm 1990

Địa chỉ: thôn T, xã C, huyện N1, tỉnh Thanh Hóa

Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 07/12/2020, Lê Tiến T, sinh năm 1986, trú tại thôn L, xã C, huyện N1, Thanh Hóa điều khiển xe đạp của mẹ đẻ là bà Thiều Thị D đến địa bàn xã Y, huyện Như Thanh, Thanh Hóa tìm kiếm tài sản của người nào quản lý sơ hở để trộm cắp. Khi đi đến nhà chị Phan Thị N ở thôn B, xã Y, huyện Như Thanh, T thấy nhà chị N khóa cửa, không có ai ở nhà; T dựng xe đạp dựng ở tường rào và đi bộ vào nhà chị N tìm tài sản để trộm cắp. Đến trước cửa nhà, T dùng tay giật văng ổ khóa cửa, rồi đột nhập vào nhà chị N. Quá trình tìm kiếm, T phát hiện thấy một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy S8, màu đen, đã qua sử dụng, đang sạc pin trên bàn học cạnh giường ngủ. T nhanh chóng, rút dây sạc điện thoại và cầm điện thoại cho vào túi quần rồi đi ra ngoài, điều khiển xe đạp đi về hướng xã C, huyện N1. Đến quán sửa chữa, mua bán điện thoại cũ “T2 N” ở thôn T, xã C, huyện N1, Lê Tiến T đã bán chiếc điện thoại vừa trộm cắp được cho anh Lê Thanh T2 là chủ quán với giá 200.000 đồng. Sau đó, T sử dụng số tiền trên tiêu xài cá nhân hết. Theo nguồn tin tố giác tội phạm, Công an huyện Như Thanh đã truy tìm vật chứng. Kết quả, anh Lê Thanh T2 giao nộp cho Công an huyện Như Thanh chiếc điện thoại mà Lê Tiến T đã trộm cắp.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 23/HĐ-ĐGTS ngày 09/12/2020, Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Như Thanh kết luận: Chiếc điện thoại di động mà T trộm cắp có giá trị 1.230.000 đồng.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ thu thập được, Công an huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can Lê Tiến T về anh vi “Trộm cắp tài sản”

**\* Về vật chứng của vụ án:**

+ Tài sản bị cáo trộm cắp của chị Phan Thị N là chiếc điện thoại SAMSUNG Galaxy S8, màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI: 388306094342770; Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại.

+ Chiếc xe đạp Lê Tiến T dùng làm phương tiện đi trộm cắp là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Thiều Thị D (mẹ bị cáo), Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà D.

**\* Phần dân sự:**

+ Sau khi nhận lại chiếc điện thoại mà T đã trộm cắp, bị hại Phan Thị N không có yêu cầu gì thêm.

+ Trong quá trình điều tra, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Thanh T2 không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 200.000 đồng mà anh đã trả cho T khi mua điện thoại.

Tại bản cáo trạng số 01/CT- VKSNT ngày 06/01/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố bị cáo Lê Tiến T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Tiến T từ 12 đến 15 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Về dân sự: Đề nghị không xem xét.

- Về vật chứng: Đề nghị không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

***Tại phiên tòa:***

Bị cáo Lê Tiến T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu.

***Phần tranh luận:*** Không ai có ý kiến tranh luận

***Nói lời sau cùng,*** bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin miễn hình phạt bổ sung.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Như Thanh, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều được coi là đúng pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của bị hại Phan Thị N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thiệu Thị D và Lê Thanh T2, xét thấy sự vắng mặt của chị N, bà D và anh Tuấn không trở ngại cho việc xem xét trách nhiệm hình sự của bị cáo và không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự vắng mặt nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Lê Tiến T đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời trình bày của bị cáo phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng 08 giờ ngày 07/12/2020, Lê Tiến T, sinh năm 1986, trú tại thôn L, xã C, huyện N1, Thanh Hóa đã lén lút đột nhập vào nhà chị Phan Thị N ở thôn B, xã Y, huyện Như Thanh, trộm cắp của chị N 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy S8, màu đen, đã qua sử dụng, trị giá 1.230.000 đồng. Tuy tài sản mà bị cáo trộm cắp có giá trị dưới 2.000.000 đồng, nhưng khi thực hiện hành vi trộm cắp, bị cáo đang có 03 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”. Vì vậy, hành vi của Lê Tiến T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh truy tố bị cáo theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn chính xác. Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

***“Tội trộm cắp tài sản***

*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

*a) ...;*

*b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;*

*c) ...*

5. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.*

[4] Trong vụ án này, bà Thiều Thị D là người sở hữu chiếc xe đạp mà T đã dùng làm phương tiện phạm tội, bà D không biết việc bị cáo sử dụng tài sản của bà làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, nên không có căn cứ để xử lý trách nhiệm đối với bà D. Đối với anh Lê Thanh T2, có mua chiếc điện thoại mà T trộm cắp được, nhưng anh Tuấn không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Do đó, không có căn cứ để xử lý trách nhiệm pháp lý đối với anh Lê Thanh T2.

[5] *Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng:* Bị cáo Lê Tiến T có năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bản thân bị cáo có tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe nhưng không chịu lao động để nuôi sống bản thân và gia đình mà thích ăn chơi xa đọa trên mồ hôi, công sức của người khác nên đã lợi dụng sự sơ hở của người khác để chiếm đoạt trái pháp luật tài sản của họ nhằm thỏa mãn nhu cầu hưởng lạc của bản thân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nó không những xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn, gây hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần xử lý nhanh chóng kịp thời để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] *Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội lần này, bị cáo chưa được xóa án tích của 03 bản án đều do Tòa án nhân dân huyện N1 xét xử, gồm: Bản án số: 61/2016/HSST ngày 08/11/2016; Bản án số: 46/2017/HSST ngày 22/11/2017 và Bản án số: 33/2019/HSST ngày 05/7/2019. Tuy nhiên, tình tiết này đã được quy định là dấu hiệu định tội nên không được coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm nguy hiểm”.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ngoài ra, bố bị cáo là bệnh binh; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] *Về nhân thân:* Bị cáo không có nhân thân tốt, thể hiện: Bị cáo đã ba lần bị Tòa án nhân dân huyện N1, tỉnh Thanh Hóa kết án về tội “Trộm cắp tài sản.

[8] *Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo;* Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục bị cáo thành người lương thiện.

[9] *Về hình phạt bổ sung*: Tại thời điểm phạm tội, bị cáo thuộc hộ nghèo, nếu áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền thì tình trạng kinh tế của gia đình bị cáo sẽ lâm vào khó khăn trầm trọng, nghĩ nên miễn cho bị cáo hình phạt bổ sung.

[10] *Về phần dân sự*: Bị hại không yêu cầu xem xét phần dân sự nên miễn xét. Đối với số tiền 200.000 đồng mà anh Lê Thanh T2 đã đưa cho bị cáo khi giao dịch mua bán điện thoại; trong quá trình điều tra, anh Tuấn đã trình bày không có nhu cầu nhận lại số tiền trên. Tuy nhiên, anh Tuấn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; nên Hội đồng xét xử không thẩm tra được lời khai của anh trong giai đoạn điều tra và cũng không giải thích được cho anh về quyền yêu cầu bị cáo hoàn trả khoản tiền mà anh đã đưa cho bị cáo trong giao dịch mua chiếc điện thoại. Vì vậy, không xem xét trong vụ án này mà dành cho anh Tuấn quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác nếu anh có yêu cầu.

[11] *Về vật chứng của vụ án*: Tài sản bị cáo trộm cắp là chiếc điện thoại SAMSUNG Galaxy S8, màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI: 388306094342770 là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Phạm Thị N; chiếc xe đạp bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Thiều Thị D. Trong quá trình điều tra, cơ quan CSĐT Công an huyện Như Thanh đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp các tài sản trên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[12] *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:** Điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự;

**Tuyên bố:** Bị cáo **Lê Tiến T phạm tội “Trộm cắp tài sản”**.

**Áp dụng:** Điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt bị cáo Lê Tiến T 12 (mười hai) tháng tù.** Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (09/12/2020).

**Về án phí:** Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Tiến T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

**Quyền kháng cáo:** Áp dụng các Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, tuyên: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Như Thanh;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Như Thanh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án (để thi hành);
- Phòng giám đốc án TA tỉnh Thanh hoá
- Lưu hồ sơ vụ án .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Lê Đình Huy***